

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường
tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 19-TB/TU ngày 17/10/2025 về một số nội dung Đảng ủy UBND tỉnh báo cáo tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 15/10/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 257/TTr-NNMT ngày 26/9/2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2025 và bãi bỏ Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 30/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy chế quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký
Đào Quang Khải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định một số nội dung về quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành có liên quan.

b) UBND cấp xã nơi có đầu tư hệ thống trạm quan môi trường tự động, liên tục hoặc được giao quản lý.

c) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh.

d) Đơn vị được giao quản lý, vận hành các trạm quan trắc tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh.

e) Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quan trắc môi trường tự động, liên tục: Là việc theo dõi thường xuyên, có hệ thống các yếu tố môi trường bằng thiết bị đo, phân tích tự động, nhằm cung cấp dữ liệu phục vụ đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường.

2. Hệ thống quan trắc: Gồm các trạm quan trắc cơ sở; hệ thống truyền, nhận, quản lý dữ liệu và trạm trung tâm do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý.

3. Trạm quan trắc cơ sở: Trạm cố định hoặc di động để quan trắc môi trường không khí, nước mặt, nước thải, khí thải, chất thải; được đầu tư từ ngân sách hoặc ngoài ngân sách nhưng có kết nối, truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Trạm trung tâm: Do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, có chức năng thu thập, quản lý, sử dụng dữ liệu và giám sát hoạt động của các trạm quan trắc cơ sở.

5. Chủ nguồn thải: Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục.

6. Bảo trì, bảo dưỡng: Các hoạt động nhằm duy trì hoặc khôi phục tình trạng thiết bị, đảm bảo hệ thống vận hành ổn định theo tiêu chuẩn.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục

1. Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đo lường và hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Bảo đảm hệ thống hoạt động thường xuyên, liên tục, không gián đoạn dữ liệu.

3. Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu, bao gồm:

a) Tính bảo mật: Dữ liệu không bị truy cập, can thiệp trái phép;

b) Tính toàn vẹn: Dữ liệu được truyền nguyên vẹn, phản ánh đúng tình trạng chất lượng môi trường;

c) Tính sẵn sàng: Dữ liệu luôn đáp ứng nhu cầu khai thác của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc kết nối, khai thác dữ liệu với đơn vị bên ngoài không được gây ảnh hưởng đến an ninh, an toàn hệ thống; phải có biện pháp phòng chống xâm nhập trái phép.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quản lý, vận hành dữ liệu đối với trạm trung tâm và trạm quan trắc cơ sở

1. Trạm trung tâm:

- a) Đặt tại Sở Nông nghiệp và Môi trường; tiếp nhận, lưu giữ, quản lý dữ liệu từ các trạm quan trắc cơ sở và truyền dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- b) Theo dõi, giám sát hoạt động của trạm quan trắc cơ sở; kịp thời cảnh báo, xử lý sự cố;
- c) Bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu; hỗ trợ kỹ thuật cho các trạm quan trắc cơ sở;
- d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Trạm quan trắc cơ sở:

- a) Vận hành thường xuyên, liên tục; truyền dữ liệu trực tiếp về trạm trung tâm;
- b) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, thay thế thiết bị định kỳ;
- c) Đảm bảo an toàn thiết bị, dữ liệu; xử lý sự cố kịp thời;
- d) Xây dựng quy trình kỹ thuật, quản lý hồ sơ;
- đ) Thực hiện chế độ báo cáo, công khai thông tin theo quy định.

Điều 5. Kiểm tra, giám sát

1. Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

- a) Tình hình vận hành các trạm quan trắc cơ sở;
- b) Điều kiện kỹ thuật, môi trường vận hành thiết bị;
- c) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu quan trắc;
- d) Công tác lưu trữ dữ liệu, hồ sơ;
- đ) Công tác bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn;
- e) Việc thực hiện chế độ báo cáo;
- g) Việc tuân thủ Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

2. Hình thức kiểm tra, giám sát:

- a) Kiểm tra, giám sát được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Kết quả kiểm tra, giám sát phải được lập biên bản, lưu trữ và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền;

c) Trường hợp phát hiện vi phạm, cơ quan chủ trì kiểm tra phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Quản lý, vận hành hoặc lựa chọn đơn vị vận hành hệ thống trạm trung tâm và trạm quan trắc cơ sở do ngân sách nhà nước đầu tư;

b) Quản trị dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin, kết nối, truyền dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường; phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp, công khai thông tin và duy trì hệ thống hoạt động ổn định;

c) Chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh; lấy mẫu đối chứng, xử lý các trường hợp có kết quả quan trắc nước thải, khí thải vượt quy chuẩn cho phép;

d) Tổ chức, giám sát công tác bảo trì, hiệu chuẩn, thay thế thiết bị; tham mưu nhu cầu kinh phí cho hoạt động quản lý, vận hành, nâng cấp hệ thống;

đ) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

e) Rà soát, đôn đốc chủ nguồn thải lắp đặt, truyền dữ liệu quan trắc theo quy định; kiểm tra, xử lý vi phạm các chủ nguồn thải không thực hiện lắp đặt và truyền dữ liệu theo quy định;

g) Chủ trì đào tạo, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật cho các đơn vị vận hành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ: Duy trì hoạt động máy chủ, đường truyền kết nối tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh; bảo đảm an toàn thông tin; phối hợp kết nối dữ liệu.

3. Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho đầu tư, quản lý, vận hành hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục.

4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh: Đôn đốc, giám sát các chủ nguồn thải trong khu công nghiệp lắp đặt, vận hành, xử lý sự cố hệ thống quan trắc.

5. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường liên quan đến hệ thống quan trắc.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Quản lý, vận hành trạm cơ sở được giao (nếu có).
2. Phối hợp quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình vận hành các Trạm quan trắc cơ sở thuộc địa bàn quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của chủ nguồn thải, chủ cơ sở

1. Lắp đặt, vận hành trạm quan trắc cơ sở và truyền dữ liệu về trạm trung tâm theo quy định.
2. Bố trí nhân lực, kinh phí để vận hành thường xuyên, liên tục; thực hiện bảo trì, hiệu chuẩn theo khuyến cáo và hướng dẫn của nhà sản xuất.
3. Quản lý, bảo mật dữ liệu và thiết bị; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất.
4. Công khai kết quả quan trắc theo thời gian thực trên cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp hoặc bảng điện tử tại công nhà máy/dự án, bảo đảm thuận lợi cho người dân theo dõi và giám sát.
5. Khi phát hiện sự cố phải kịp thời khắc phục, hạn chế ảnh hưởng và báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn, tập huấn và triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.